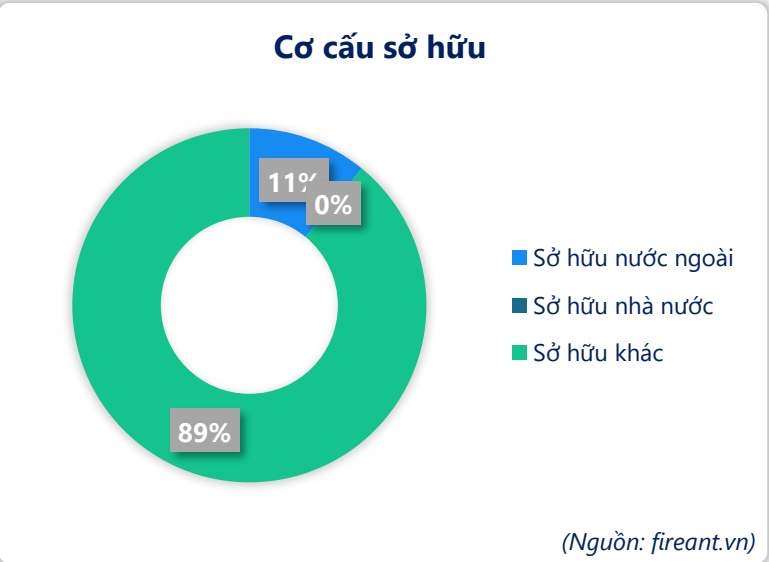
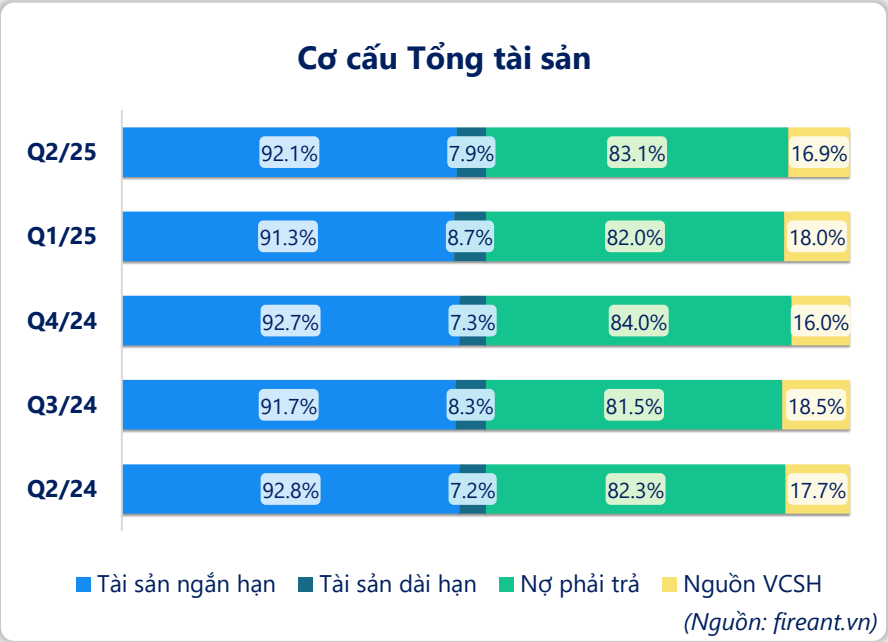
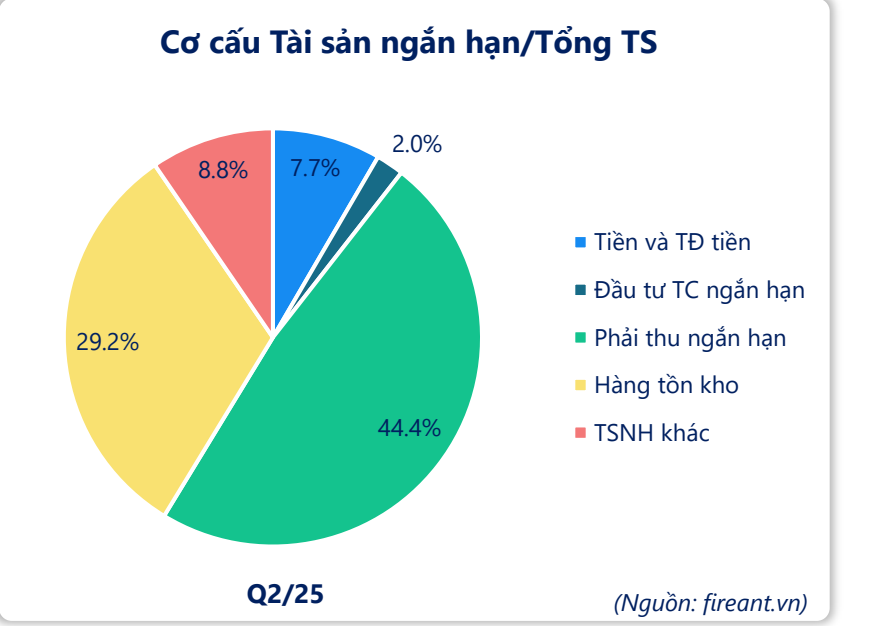
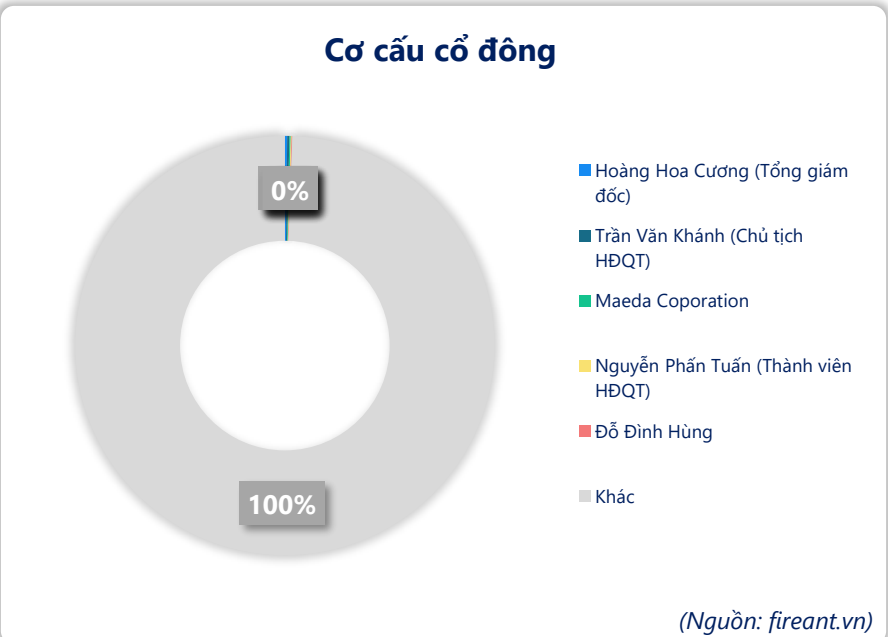
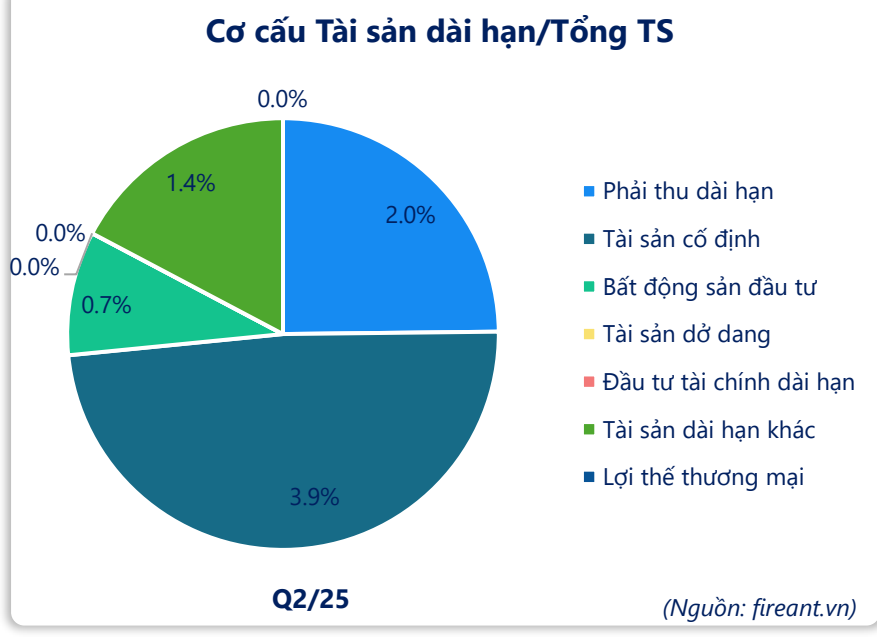
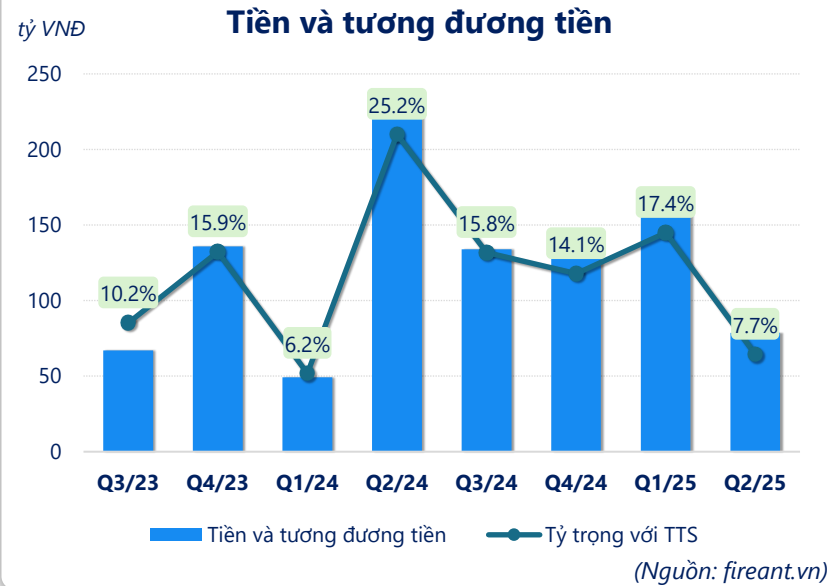
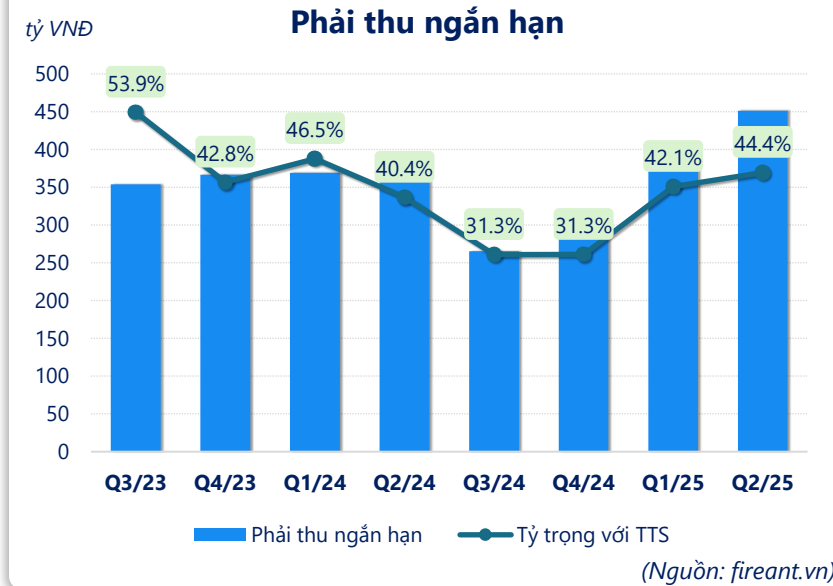
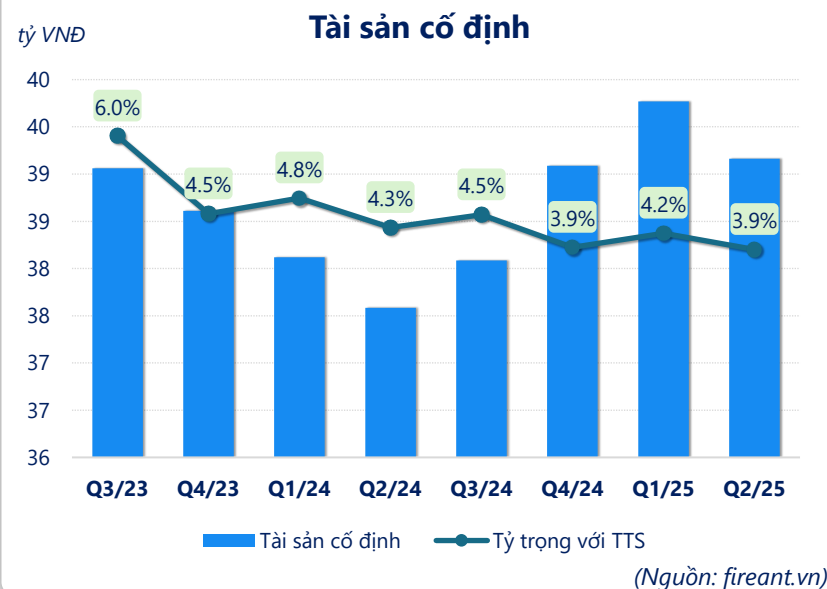
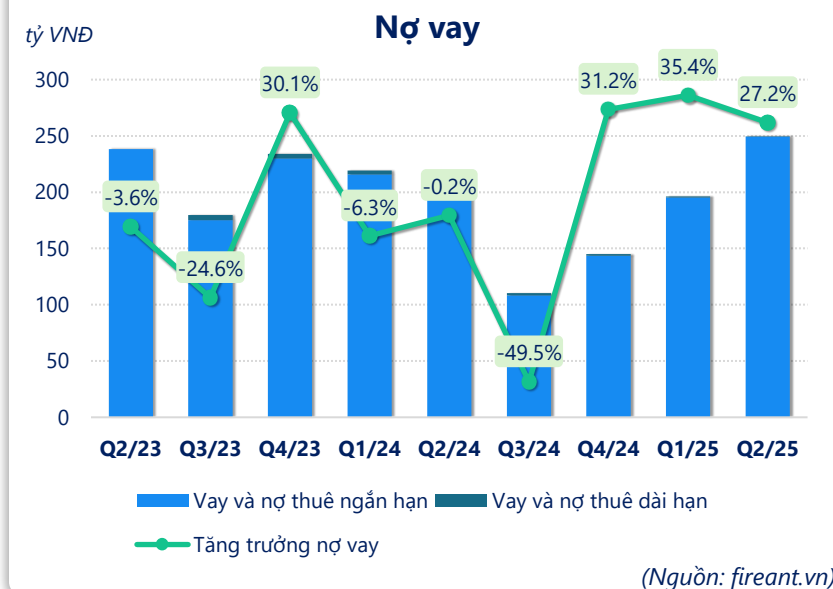
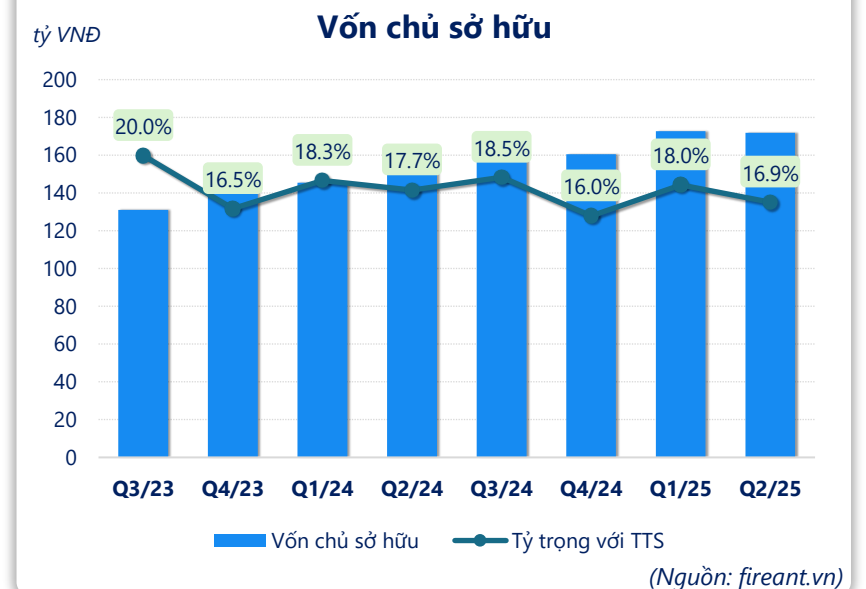
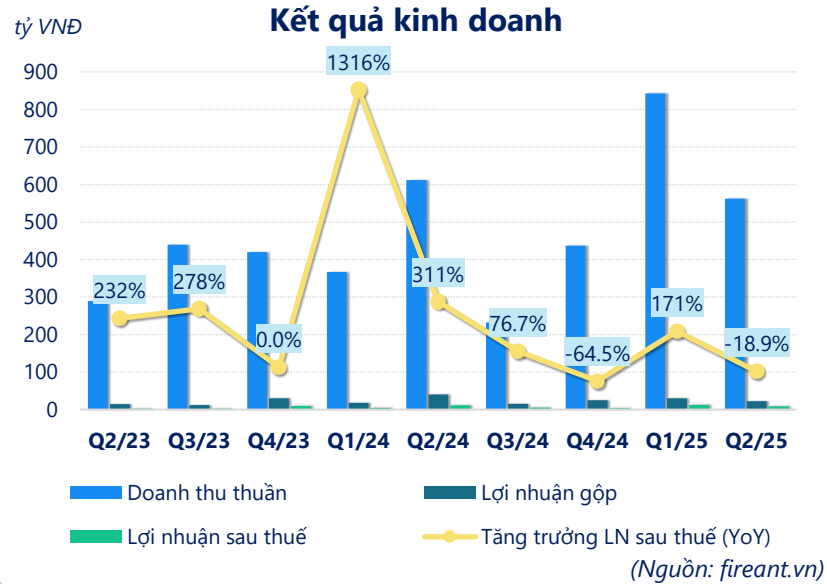
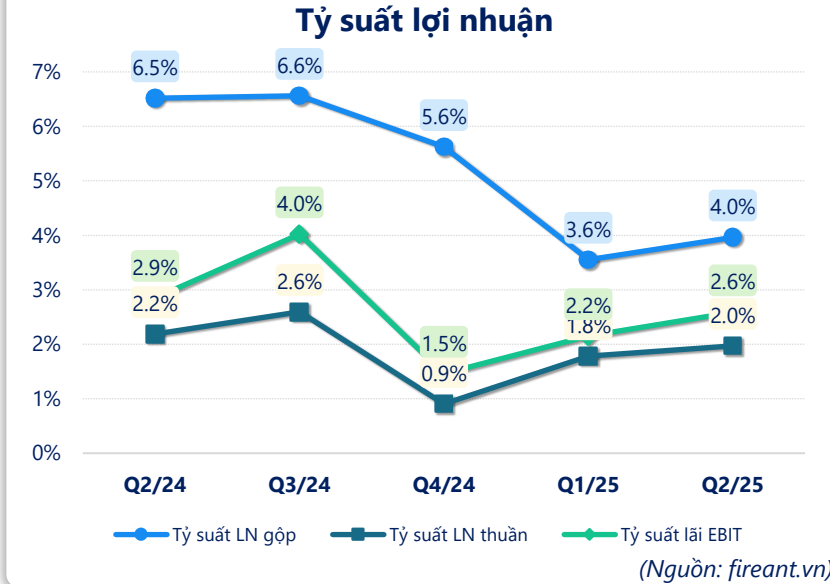
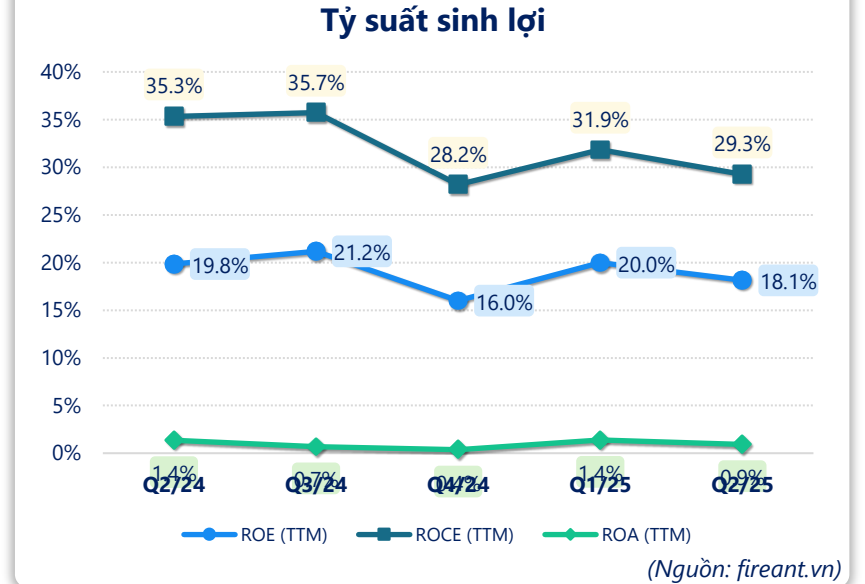
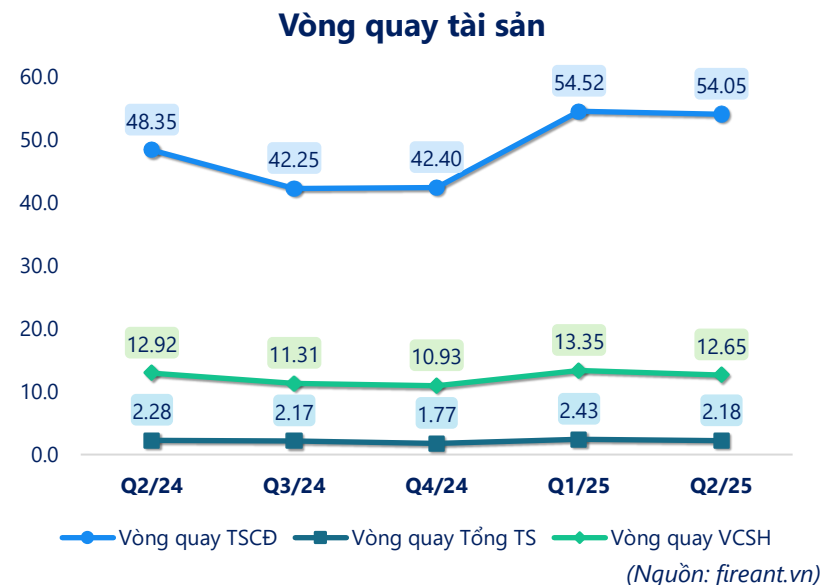
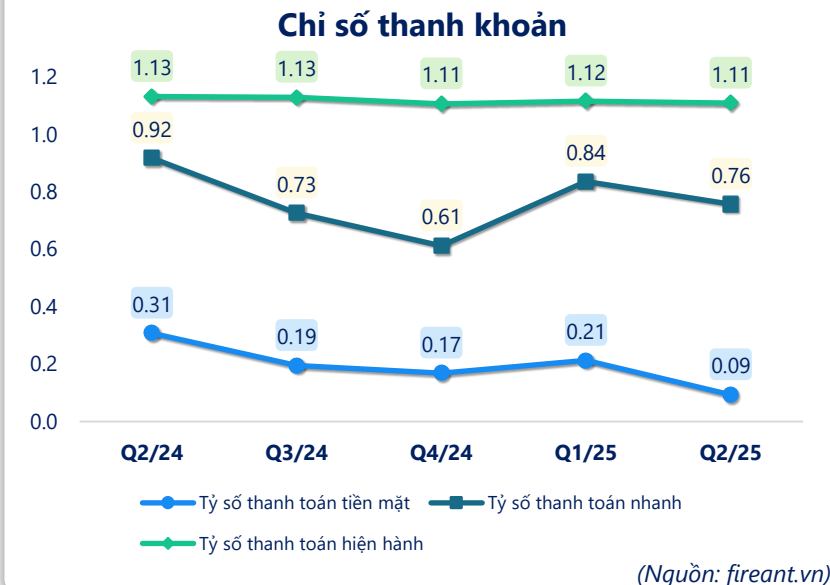
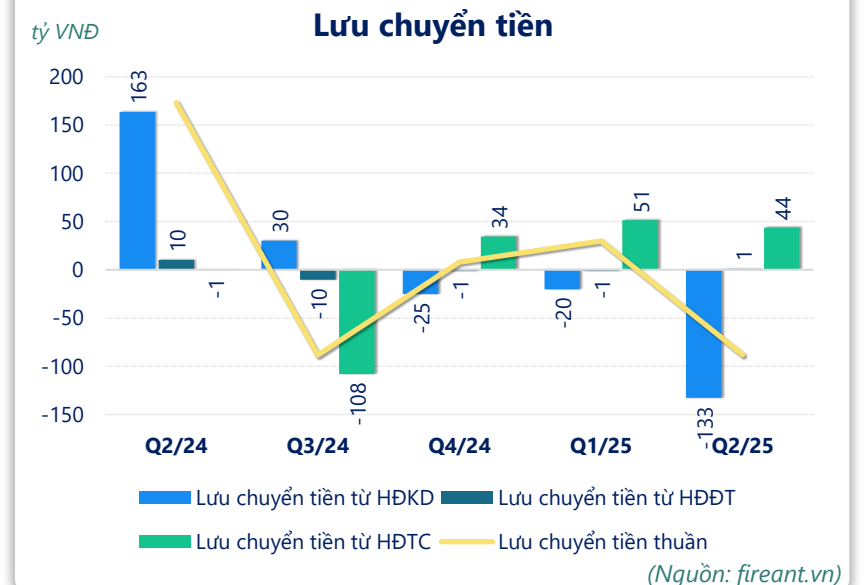


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		28,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		40,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		14,632
SL cổ phiếu LH		10,840,877
KLGD BQ 20 phiên (CP)		540
% sở hữu nước ngoài		10.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		313
P/E		10.5
EPS		2,743

	YTD	1T	3T	6T
VC6	72.2%	-21.5%	4.2%	71.3%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,017	1,004	1.3%
Tài sản ngắn hạn	936	911	2.8%
Tiền và tương đương tiền	78.6	137	-42.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	20.1	20.1	0.0%
Phải thu ngắn hạn	451	293	54.0%
Hàng tồn kho	297	418	-28.9%
Tài sản ngắn hạn khác	89.5	43.3	106%
Tài sản dài hạn	80.6	93.1	-13.5%
Phải thu dài hạn	20.0	20.0	0.0%
Tài sản cố định	39.2	39.1	0.2%
Bất động sản đầu tư	7.50	18.5	-59.4%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	13.9	15.5	-10.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	845	843	0.2%
Nợ ngắn hạn	845	842	0.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	249	143	73.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	392	430	-8.8%
Nợ dài hạn	0.15	1.41	-89.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.15	1.41	-89.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	172	161	7.0%
Vốn chủ sở hữu	172	161	7.0%
Vốn điều lệ	108	96.8	12.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	612	232	437	843	562
Giá vốn hàng bán	572	217	412	813	540
Lợi nhuận gộp	39.8	15.2	24.6	29.9	22.3
Doanh thu HĐTC	0.16	1.29	-1.39	1.70	1.84
Chi phí TC	3.79	2.73	2.07	2.95	3.46
Chi phí lãi vay	3.79	2.73	2.07	2.95	3.46
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	22.8	7.75	17.2	13.7	9.58
LN thuần từ HĐKD	13.4	6.02	3.95	15.0	11.1
Lợi nhuận khác	0.28	0.57	0.37	0.17	0.01
LN trước thuế	13.7	6.59	4.32	15.2	11.1
Lợi nhuận sau thuế	10.9	5.27	3.44	12.1	8.88
LNST của CĐ cty mẹ	10.9	5.27	3.44	12.1	8.88

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	163	30.1	-25.2	-20.3	-133
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	10.2	-10.2	-1.36	-1.26	0.99
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.55	-108	34.5	51.2	43.7
Tiền đầu kỳ	49.3	222	134	137	167
Lưu chuyển tiền thuần	173	-88.4	7.94	29.7	-88.0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	222	134	142	167	78.6

(Nguồn: fireant.vn)